

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày 15 - 7 - 2025
V/v tranh hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền

Ông Hồ Thanh Phong

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 343/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hứa Văn B, sinh năm 1940; địa chỉ cư trú: Ấp TTA, xã TAK, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Nhã T, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: ấp BS, xã ĐDi, tỉnh Cà Mau là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 11/6/2025) (vắng mặt).

- **Bị đơn:**

1. Anh Trần Văn T1; địa chỉ cư trú: ấp HĐ, xã TT, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Hồ Bích C; địa chỉ cư trú: ấp HĐ, xã TTh, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Nhã Tn trình bày: Ông B với anh T1 thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, thuốc thủy sản. Theo đó, ông B bán thức ăn tôm thẻ chân trắng và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của anh T1. Số tiền thanh toán được thực hiện dứt điểm vào cuối vụ tôm. Trong quá trình giao dịch, anh T1 trả tiền

không đúng thỏa thuận. Đến ngày 28/6/2018, anh T1 ký xác nhận công nợ với số tiền 224.500.000đ. Nay ông B yêu cầu anh T1 và chị C trả số tiền 224.500.000đ, lãi 72 tháng, tương đương số tiền $(224.500.000đ \times 20\%/năm) \times 72 \text{ tháng} = 286.866.000đ$, tổng cộng 511.366.000đ.

Đối với anh Trần Văn T1, chị Hồ Bích C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Hứa Văn B khởi kiện anh Trần Văn T1, chị Hồ Bích C là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh T1, chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1, chị C.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông B có bán thức ăn tôm và thuốc thủy sản cho anh T1, chị C là thực tế có xảy ra. Trong quá trình mua bán, anh T1, chị C thanh toán tiền không đúng theo thỏa thuận. Đến ngày 28/6/2018, anh T1 ký xác nhận công nợ với số tiền 224.500.000đ, nhưng sau đó anh T1, chị C không thanh toán nợ cho ông bình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi suất chậm trả, Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh T1 ký xác nhận công nợ với ông B ngày 28/6/2018, nhưng sau đó anh T1, chị C không thanh toán tiền cho ông B. Tính đến thời điểm xét xử (ngày 15/7/2025), anh T1, chị C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền đối với ông B. Do đó, anh T1, chị C phải chịu khoản lãi suất tương đương với thời gian và số tiền chậm trả.

Tính đến ngày xét xử là hơn 72 tháng, nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu anh T1, chị C phải chịu lãi suất chậm trả tương đương với thời gian là 72 tháng. Tuy nhiên, lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu (20%) là cao. Bởi vì, đây là lãi suất không có thỏa thuận nên theo quy định của pháp luật là 10%. Như vậy, số tiền lãi suất chậm trả mà anh T1, chị C phải thanh toán cho ông B là $(224.500.000đ \times 0,83\%) \times 72 \text{ tháng} = 134.161.200đ$.

[4] Xét về án phí dân sự: Anh T1, chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430; Điều 440; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hứa Văn B.

1. Buộc anh Trần Văn T1 và chị Hồ Bích Ci phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hứa Văn B số tiền là 358.161.200 đồng (bà trăm năm mươi tám triệu một trăm sáu mươi một ngàn hai trăm đồng).

2. Kể từ ngày ông Hứa Văn B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Văn T1, chị Hồ Bích C chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng anh Thương, chị Chi còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự:

3.1 Ông Hứa Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Anh Trần Văn T1 và chị Hồ Bích C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 17.908.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4;
- Phòng cục Thi hành án dân sự khu vực 4;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

